

CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN BẠC LIÊU

-----o0o-----

Số: 25./2019/CV-SGBL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - BẠC LIÊU**

Mã chứng khoán: SBL

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B5, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại: 09213 780 781

Fax: 02913 780 567

Người thực hiện công bố thông tin: Bà. Thái Thị Ánh Hồng – Thư ký HĐQT

Địa chỉ: 149/31 Bành Văn Trân, P.7, Q. Tân Bình, TP.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 02913 780 781

Fax: 02913 780 567

Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*): Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu thông tin đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc: Cập nhật tài liệu hợp ĐHĐCD thường niên năm 2019.

- Thông tin này cũng được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <http://biasaigonbaclieu.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Thái Thị Ánh Hồng

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: HĐQT

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 02 năm 2019



BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ
NĂM 2018 & KẾ HOẠCH NĂM 2019

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018:

1. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động năm 2018:

a. Thuận lợi

- Được sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổng Công ty, Công ty Thương mại Bia Sài Gòn và các đơn vị trong hệ thống Bia Sài Gòn; sự ủng hộ của chính quyền địa phương tại các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng.
- Sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời về các mặt quản trị công tác sản xuất, nhân sự, giao hàng của Hội đồng quản trị Công ty;
- Sự nỗ lực, phấn đấu của Ban điều hành và người lao động trong việc thực hiện tốt các chủ trương của Hội đồng quản trị Công ty; Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2018.

b. Khó khăn

- Năm 2018 tiếp tục diễn ra sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt của các hãng bia đối thủ, tập trung nguồn kinh phí, nhân lực và chương trình khuyến mãi để chiếm thị phần tại các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau như bia Larue, Tiger, Sư tử trắng, ... nên sản lượng tiêu thụ bia chai Sài Gòn tại các tỉnh này có giảm ảnh hưởng đến việc giao hàng của Nhà máy, dẫn đến sản lượng giao hàng năm 2018 không đạt kế hoạch ĐHĐCĐ đề ra.
- Từ tuần 27 (tháng 7/2018), Tổng Công ty thực hiện chương trình S&OP: các nhà máy sản xuất thực hiện kế hoạch sản xuất và giao hàng theo kế hoạch tuần, tháng của Tổng Công ty, giảm tồn kho tối đa bia thành phẩm tại các Nhà máy không quá 02 lần kế hoạch giao hàng tuần; do đó có những tháng Nhà máy chỉ sản xuất được 15 – 20 ngày, làm tăng chi phí sản xuất do tiêu hao năng lượng nhiều do không sản xuất liên tục.

2. Các chỉ tiêu tài chính năm 2018:

Từ những thuận lợi, khó khăn nêu trên. Hội đồng quản trị đã cùng với Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã cố gắng phấn đấu thực hiện đạt những kết quả trong sản xuất kinh doanh như sau:

Tt	KHOẢN MỤC	KẾ HOẠCH ĐHCĐ	THỰC HIỆN	TĂNG/(GIẢM) SO KH	
				Giá trị	Tỷ lệ
1	Sản lượng sản xuất (lít)	57.050.000	47.667.647	(9.382.353)	-16%
	Bia chai Export	53.820.000	38.361.527	(15.458.473)	-29%
	Bia chai Lager	-	7.190.774	7.190.774	
	Bia chai Special	3.230.000	2.115.346	(1.114.654)	-35%
2	Sản lượng tiêu thụ (lít)	57.050.000	46.853.666	(10.196.334)	-18%
	Bia chai Export	53.820.000	38.334.441	(15.485.559)	-29%
	Bia chai Lager	-	6.262.157	6.262.157	
	Bia chai Special	3.230.000	2.257.068	(972.932)	-30%
3	Doanh thu (đồng)	372.753.250.165	299.575.583.393	(73.177.666.772)	-20%
4	Chi phí (đồng)	330.255.689.669	253.987.155.331	(76.268.534.338)	-23%
5	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	42.497.560.496	45.588.428.062	3.090.867.566	7,27%
	Trong đó:				
	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh (đồng)	37.679.620.302	35.204.050.928	(2.475.569.374)	-6,6%

3. Về chất lượng sản phẩm

- Chất lượng của 3 loại sản phẩm của Nhà máy Bia Sài Gòn Bạc Liêu sản xuất đều ổn định, trung bình điểm cảm quan các tháng trong năm 2018 đối với mỗi loại bia như sau:
 - + Bia chai Sài Gòn Export 355ml: đạt 18,84 điểm;
 - + Bia chai Sài Gòn Special 330ml: đạt 18,7 điểm;
 - + Bia chai Sài Gòn Lager 355ml : đạt 18,83 điểm:
- Toàn bộ sản phẩm sản xuất của Nhà máy Bia Sài Gòn Bạc Liêu năm 2018 đều đạt tiêu chuẩn của Tổng Công ty.
- Công tác đầu tư máy móc thiết bị, dụng cụ phòng thí nghiệm đáp ứng tiến độ yêu cầu của Tổng Công ty.
- Từ tháng 5/2018, Công ty đã hoàn thành công tác đầu tư và đưa dây chuyền chiết chai mới công suất 30.000 chai/giờ vào sản xuất chính thức, thay thế cho 2 dây chuyền chiết cũ, dây chuyền mới có tính đồng bộ và tự động hóa cao nên đã nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm hao phí và tăng năng suất sản xuất.

4. Về công tác quản lý sản xuất, quản trị nội bộ:

- Về công tác sản xuất: Công ty bám sát kế hoạch giao hàng của Tổng Công ty để xây dựng Kế hoạch sản xuất phù hợp nhằm tiết kiệm năng lượng tránh khỏi

động dây chuyền nhiều lần; duy trì khối lượng CO2 thu hồi và sử dụng hạn chế mua bổ sung, đảm bảo lượng men thu hồi tái sử dụng phù hợp.

- Công ty thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ; Thực hiện bảo trì đúng theo tài liệu của nhà sản xuất, hàng tháng đều gửi báo cáo tình hình bảo trì thiết bị cho Tổng Công ty.
- Lập kế hoạch cung ứng và thực hiện mua hàng dự phòng các nguyên vật liệu đầu vào đảm bảo cho sản xuất liên tục với giá cả hợp lý, chất lượng đạt tiêu chuẩn và số lượng phù hợp, tiết kiệm chi phí cho công ty, giá mua NVL phù hợp với giá thị trường tương đương với giá mua của các nhà máy khu vực Miền Tây.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí giá thành sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu; kết quả năm 2018 định mức các nguyên liệu chính đều ổn định so với năm 2017.
- Về năng lượng, năm 2018 HĐQT chỉ đạo triển khai giải pháp kỹ thuật tiết kiệm hơi nước, với tổng mức đầu tư là 5 tỷ đồng. Kết quả đã giảm được định mức hơi từ 430 - 440 kg/1.000 lít bia xuống còn 370 - 380 kg/1.000 lít bia, hạng mục đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 09/2018, với giá trị tiết kiệm 491 triệu đồng (cho 04 tháng cuối năm 2018).
- Về công tác ISO: Công ty tiếp tục duy trì hiệu lực và hiệu quả của các hệ thống ISO chất lượng 9001, An toàn vệ sinh thực phẩm - HACCP 22000; Môi trường 14001 và Năng lực Phòng Kiểm nghiệm theo ISO 17025, đồng thời cải tiến, nâng cấp phiên bản mới nhất 2018. Công ty cũng đã ký hợp đồng tư vấn áp dụng hệ thống ISO 50001:2011 về quản lý năng lượng, dự kiến hoàn thành vào cuối quý 2/2019.
- Công tác vệ sinh công nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, môi trường: được Ban điều hành Công ty quan tâm tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời đảm bảo đúng quy định của pháp luật.
- Về công tác đào tạo: năm 2018, Công ty đã cử một số cán bộ, công nhân viên tham gia các lớp tập huấn tại các Trung tâm, đơn vị đào tạo để cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc và qui định của pháp luật.
- Về công tác giao hàng: Công ty phối hợp chặt chẽ với Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu, các chi nhánh trong các công tác hỗ trợ bán hàng, giao hàng kể cả ngày chủ nhật. Duy trì mối quan hệ hợp tác để tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ từ Tổng Công ty và các đơn vị trong hệ thống Bia Sài Gòn; sự ủng hộ chính quyền địa phương và người tiêu dùng tại các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng.
- Công tác An sinh xã hội:
Năm 2018, Công ty đã tham gia đóng góp an sinh xã hội cho địa phương với số tiền trên 500 triệu đồng như: xây dựng 06 căn nhà tình thương, tình nghĩa, nhà đồng đội; hỗ trợ hàng tháng cho 2 thương binh 1/4 và 2/4 có hoàn cảnh khó khăn tại huyện Đông Hải; hỗ trợ kinh phí để giúp đỡ người nghèo vui xuân đón

tết trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; ủng hộ quỹ Hội nạn nhân chất độc da cam/ dioxin tinh; tài trợ học bổng cho sinh viên nghèo hiếu học; hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động Văn hóa - Thể thao của tỉnh, thông qua đó cũng đẩy mạnh quảng bá thương hiệu bia Sài Gòn đến công chúng.

- Về cơ cấu tổ chức, nhân sự, tiền lương:

- Định biên nhân sự của Công ty năm 2018 là 121 người.
- Tiền lương, thưởng năng suất lao động của người lao động được chi theo Quy chế tiền lương, thưởng năng suất lao động đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.
- Trong năm 2018, Công ty có 07 trường hợp thôi việc và 04 trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2018:

❖ Về thiết bị:

- Năm 2018, Công ty đã thực hiện hoàn thành công tác đầu tư và đưa vào sử dụng dây chuyền chiết bia đồng bộ, tự động của Krones – Đức, công suất 30.000 chai/giờ đúng tiến độ vào tháng 05/2018, với tổng giá trị là: 169,5 tỷ đồng.
- Về các hạng mục đầu tư thiết bị máy móc theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, Công ty đã thực hiện hoàn thành và đưa vào sử dụng đưa vào sử dụng 08 hạng mục với giá trị là: 23,31 tỷ đồng; Có 03 hạng mục chưa đầu tư năm 2018 theo yêu cầu của Tổng Công ty với giá trị là 18,2 tỷ đồng sẽ được thực hiện trong các năm tiếp theo (chi tiết bảng phụ lục đính kèm).

- ❖ **Về đầu tư, sửa chữa xây dựng cơ bản:** đã thực hiện hoàn thành 03 hạng mục công trình theo kế hoạch với giá trị là 2,16 tỷ đồng; 01 hạng mục chưa thực hiện do chờ Tổng Công ty thanh lý dây chuyền chiết để cải tạo làm kho chứa bia thành phẩm.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2019 :

1. Về sản lượng sản xuất - giao hàng:

Theo Kế hoạch sản xuất- giao hàng năm 2019 số 1591/TB-BSG ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty giao cho Nhà máy bia Sài Gòn Bạc Liêu là: 48.474.591 lít bia.

Trong đó:

- Bia chai Sài Gòn Export: 30.367.650 lít
- Bia chai Sài Gòn Special: 9.894.940 lít
- Bia chai Sai Gòn Lager 355: 8.212.001 lít

Sản lượng giao hàng năm 2019, Tổng Công ty phân bổ theo từng tháng, dao động từ 2,4 triệu lít (tháng 2/2019) đến 5,09 triệu lít/tháng (tháng 12/2019), trung bình sản lượng là 4,04 triệu lít/tháng.

2. Một số giải pháp quản lý, điều hành công tác sản xuất năm 2019:

- **Về công tác sản xuất:** tiếp tục bám sát kế hoạch giao hàng của Tổng Công ty để xây dựng Kế hoạch sản xuất phù hợp nhằm tiết kiệm năng lượng tránh khởi động dây chuyền nhiều lần; duy trì khối lượng CO2 thu hồi và sử dụng hạn chế mua bổ sung, đảm bảo lượng men thu hồi tái sử dụng phù hợp.
Lập kế hoạch sản xuất nầu số lượng tank lên men tương ứng với sản lượng giao hàng, hạn chế nầu thừa tank làm kéo dài ngày lên men làm tăng định mức điện do bảo quản lạnh.
- **Về công tác kiểm soát chất lượng, định mức kinh tế kỹ thuật:**
Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm đảm bảo đạt chất lượng theo tiêu chuẩn Tổng Công ty. Hoàn thành lắp đặt các thiết bị kiểm soát chất lượng theo khuyến cáo của Tổng Công ty như: kiểm soát nhãn ngược, nhãn khác loại, sục khí nước nha tự động, ...
Phát động phong trào thi đua trong cán bộ công nhân viên tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tiết kiệm điện, nước, hơi, bột trợ lọc và các sáng kiến, cải tiến khác mang lại hiệu quả cho Công ty.
- **Về đầu tư, sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng thiết bị, phụ tùng thay thế:**
Thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng, thay thế phụ tùng đúng kế hoạch. Đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động ổn định, đạt công suất khi sản xuất các tháng cao điểm.
Kết nối các Nhà máy trong hệ thống có sử dụng dây chuyền chiết chai công suất 30.000 chai/giờ như: Kiên Giang, Cần Thơ, Vĩnh Long, Hoàng Quỳnh để trao đổi, phối hợp công tác dự phòng phụ tùng thay thế cho dây chuyền chiết chai mới, đảm bảo tồn kho hợp lý, giảm chi phí tiền mua dự phòng phụ tùng tồn kho.
Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, sửa chữa máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất cần thiết để phục vụ sản xuất theo yêu cầu của Tổng Công ty để đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- **Về công tác bán hàng:**
Phối hợp chặt chẽ với Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu, các chi nhánh thương mại trong các công tác hỗ trợ bán hàng, giao hàng kể cả ngày chủ nhật, xem xét cho mượn gói đầu vỏ kết rỗng cho các đại lý bán hàng trong các đợt cao điểm tiêu thụ.
Tiếp tục giữ mối quan hệ hợp tác để tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ từ Tổng Công ty và các đơn vị trong hệ thống Bia Sài Gòn; sự ủng hộ chính quyền địa phương và người tiêu dùng tại các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng.
- **Về công tác nhân sự - đào tạo:**
Duy trì công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề; đào tạo kỹ năng, trình độ ngoại ngữ để nâng cao hiệu quả, chất lượng, năng suất lao động.

Xem xét bố trí, phân bổ lao động phù hợp tại các phân xưởng, phòng nghiệp vụ trong công ty. Định kỳ đánh giá để có hướng đào tạo, bồi dưỡng và sàng lọc đội ngũ cán bộ, công nhân viên, người lao động.

- 3. Kế hoạch đầu tư năm 2019:** Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư, cải tạo, nâng cấp máy móc thiết bị và nhà xưởng đáp ứng yêu cầu của Tổng Công ty. Tổng giá trị đầu tư theo kế hoạch là **9,39** tỷ đồng (bảng chi tiết trong phụ lục đính kèm).

IV. KIẾN NGHỊ:

Nhằm mang lại hiệu quả cho cổ đông, hoàn thành kế hoạch Tổng Công ty giao năm 2019; đóng góp trách nhiệm, lợi ích đối với xã hội, cộng đồng, kính mong Tổng Công ty tiếp tục hỗ trợ giúp đỡ Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu về lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ, nhất là hỗ trợ công tác Marketing cho thị trường Bạc Liêu vì hiện nay bia đối thủ đang dồn toàn lực tập trung nơi đây để cạnh tranh với Bia Sài Gòn làm địa bàn lấn sang các khu vực khác của miền Tây Nam Bộ.

Trân trọng kính chúc Quý cổ đông, quý đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Công Vinh

Bạc Liêu, ngày tháng năm 2019



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG & TÀI CHÍNH NĂM 2018

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán;

Căn cứ báo cáo Ban điều hành và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018.

Ban Kiểm soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo kết quả thẩm định tình hình tài chính và đánh giá tổng thể hoạt động của Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu năm 2018 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm Hội đồng quản trị (HDQT) đã tổ chức nhiều cuộc họp để triển khai, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HDQT đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ tập trung vào các mục tiêu tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ Điều lệ Công ty.

Các Nghị quyết của HDQT có nội dung phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.

2. Công tác điều hành của Ban điều hành Công ty:

Giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HDQT đến từng thành viên Ban Giám đốc, Trưởng, phó các phòng, Quản đốc, phó Quản đốc để tổ chức thực hiện.

Nhìn chung, Ban điều hành Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ, tuân thủ đúng các Nghị quyết của HDQT, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định trong Điều lệ của Công ty.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Về nhân sự, thù lao của Ban kiểm soát:

Nhân sự Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Ông Nguyễn Tấn Phiên - Trưởng ban

2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018 :

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty và thống nhất:

Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty và được trình bày theo các biểu mẫu báo cáo quy định, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Báo cáo tài chính năm 2018 của công ty đã phản ánh đầy đủ, trung thực, hợp lý, các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018.

3. Kết luận:

Trong năm 2018 Ban kiểm soát chưa phát hiện bất thường nào trong các hoạt động của Công ty. Các hoạt động của Công ty đều tuân thủ quy định của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2018 tình hình tiêu thụ của Công ty còn gặp nhiều khó khăn nhưng HĐQT đã chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban điều hành đã tích cực trong công tác sản xuất, giao hàng, nỗ lực quản lý chặt chẽ các chi phí. Mặc dù không hoàn thành kế hoạch sản lượng mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đã đề ra nhưng Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch lợi nhuận đã đề ra.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019:

Ban kiểm soát tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm soát định kỳ theo Điều lệ Công ty.

Tiếp tục kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đảm bảo đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kiểm tra, giám sát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019, với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật .

Xin cảm ơn và chúc Đại hội thành công.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Tấn Phiên

**BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018;
KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019**



Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HDQT), tình hình quản trị công ty trong năm 2018, Kế hoạch và định hướng hoạt động năm 2019 như sau:

I. Tình hình chung:

Năm 2018, Tổng Công ty có sự thay đổi lớn về chính sách sản xuất kinh doanh khi Cổ đông lớn Thaibev tham gia công tác điều hành, quản lý:

- Từ tuần 27 năm 2018 (tháng 07/2018), Tổng Công ty thực hiện chương trình S&OP: các nhà máy sản xuất thực hiện kế hoạch sản xuất và giao hàng theo kế hoạch tuần, tháng của Tổng Công ty, giảm tồn kho tối đa bia thành phẩm tại các Nhà máy không quá 02 lần kế hoạch giao hàng tuần;
- Về phân bổ sản lượng sản xuất và tiêu thụ: Tổng Công ty cũng căn cứ theo tỷ trọng vốn góp của các Công ty con và Công ty liên kết; thị trường tiêu thụ tại từng khu vực; cự ly vận chuyển và năng lực sản xuất của các Nhà máy.
Do đó, từ tháng 07 đến tháng 12/2018, sản lượng giao hàng hàng tháng của Công ty chỉ đạt trung bình 77,1% so với sản lượng TCT giao đầu năm 2018.
- Trong năm, Tổng Công ty cũng đã điều chỉnh cơ cấu sản phẩm sản xuất tại Nhà máy bia Sài Gòn Bạc Liêu. Tháng 06/2018 Nhà máy bia Sài Gòn Bạc Liêu được TCT cho sản xuất và giao hàng bia chai Sài Gòn Lager 355 ml và tạm dừng sản xuất và giao hàng bia chai Special kể từ tháng 08/2018.
- Thị trường Bạc Liêu, Cà Mau vô cùng khó khăn do cạnh tranh của các hãng Bia đối thủ và tỷ lệ lấy hàng rất thấp.
- Công ty phải thay đổi phương pháp làm việc và ngôn ngữ giao tiếp nên đòi hỏi sự nỗ lực của Ban điều hành để theo kịp yêu cầu mới.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo giám sát liên tục và đưa ra nhiều giải pháp tối ưu, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện sản xuất & giao hàng thấp

của công ty. Ban điều hành cùng toàn thể người lao động công ty cũng đã nỗ lực cố gắng cao trong thực hiện nhiệm vụ của ĐHĐCĐ giao năm 2018.

- Kết quả đạt và vượt chỉ tiêu về lợi nhuận, chỉ tiêu sản lượng và doanh thu không đạt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đề ra.

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Kế hoạch ĐHĐCĐ 2018 (1)	Thực hiện 2018 (2)	Tỷ lệ % TH2018/KH2018 (3)=(2)/(1)
1	Sản lượng sản xuất	Tr.lít	57.050.000	47.667.647	83%
2	Sản lượng tiêu thụ	Tr. lít	57.050.000	46.853.666	82%
3	Doanh thu	Tr.đồng	372.753.250.165	299.575.583.393	80%
4	LN trước thuế	Tr.đồng	42.497.560.496	45.588.428.062	107%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/VĐL	%	35,4	37,9	107%

2. Công tác đầu tư và thanh lý năm 2018:

2.1. Về đầu tư dây chuyền chiết chai mới tự động hóa, đồng bộ của Krones – Đức, công suất 30.000 chai/giờ.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông giá trị quyết toán đầu tư dây chuyền chiết chai như sau:

T	Hạng mục	Giá trị dự toán xin ý kiến cổ đông	Giá trị quyết toán	Tăng giảm
1	Thiết bị ⁽¹⁾	146.640.000.000	158.978.886.695	12,399 tỷ
2	Xây dựng	6.860.000.000	6.517.481.849	(0,343) tỷ
3	Chi phí chung ⁽²⁾	5.500.000.000	4.045.096.533	(1,455) tỷ
		159.000.000.000	169.541.465.077	10,541 tỷ

Thuyết minh tăng giảm: Giá trị quyết toán tăng so phê duyệt 10.541.465.077 đồng, trong đó:

(1) Do chênh lệch tỷ giá tăng 2.233 đ/eur (lập dự toán 25.600 đ/eur, tỷ giá ghi nhận tài sản 27.833 đ/eur), giá trị nhập khẩu kế hoạch 5.610.000 Eur, thực hiện 5.605.360 Eur.

(2) Chi phí chung giảm chủ yếu do lãi vay vốn hóa trong thời gian đầu tư giảm.

Dây chuyền chiết chai đã được đưa vào hoạt động đúng tiến độ tháng 05/2018.

2.2. Đầu tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018:

- **Về thiết bị:** Đã thực hiện được 8/11 hạng mục đầu tư, sửa chữa thiết bị theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 với tổng giá trị là: 23,31 tỷ đồng, gồm:

Hệ thống thu hồi năng lượng tại nồi nấu đun sôi nhà nấu, tiết kiệm hơi nước tại máy thanh trùng; chuyển đổi phần mềm chương trình điều khiển Nấu – Lên men nên tiết kiệm được chi phí năng lượng, nhân công và tự động hóa trong sản xuất;

Đầu tư hệ thống thiết bị nhập nguyên liệu bằng container tải trọng 60 tấn và 02 silo chứa malt thể tích 200 m³/silo và 01 silo gạo thể tích 50m³/silo và cải tạo hệ thống nhập xuất nguyên liệu hiện hữu đã đưa vào sử dụng ngày 15/03/2019;

Có 03 hạng mục được SABECO cho giãn tiến độ đầu tư sang các năm tiếp theo như: hệ thống xử lý nước; hệ thống làm giàu độ tinh khiết CO₂; hệ thống van đáy tank lên men. với giá trị là 18,2 tỷ đồng.

- **Về nhà xưởng:** Thực hiện được 3/4 hạng mục nâng cấp, sửa chữa nhà xưởng, kho với giá trị là 2,16 tỷ đồng, lắp đặt hệ thống PCCC cho dây chuyền chiết chai mới. 01 hạng mục chưa thực hiện do chờ SABECO tháo dỡ dây chuyền chiết để cải tạo làm kho chứa bia thành phẩm.

2.3. Thanh lý tài sản, thu hồi công nợ:

- Thanh lý bán dây chuyền chiết 15.000chai/h (KHS) đã hoàn thành bàn giao và tháo dỡ trong tháng 5/2018, với giá trị bán là 23 tỷ đồng và lợi nhuận thu được 10,385 tỷ đồng làm lợi nhuận vượt kế hoạch.
- Thu hồi công nợ bán hàng, công nợ bán dây chuyền chiết chai KHS kịp thời.
- HĐQT đã phê duyệt khoản trích nợ dự phòng khoản phải thu khó đòi về hỗ trợ sau đầu tư đã hạch toán năm 2013 là 3,080 tỷ đồng và trích lập dự phòng phụ tùng, công cụ dụng cụ là 0,824 tỷ đồng..
- Phối hợp Tổng Công ty cổ phần bia rượu NGK Sài Gòn để tháo dỡ trả lại Tổng Công ty dây chuyền chiết chai đã thuê.

III. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018:

1. Về cơ cấu nhân sự HĐQT: Gồm 03 thành viên chuyên trách (01 Chủ tịch & 02 thành viên) và 02 thành viên không chuyên trách.

2. Về thù lao của các thành viên HĐQT:

Thực hiện đúng theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

- Thù lao thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: 1.560.000.000 đồng.
- Thưởng thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: 1.690.000.000 đồng.

3. Hoạt động HĐQT theo quy định luật doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động công ty và các quy định khác nhà nước:

- HĐQT đã quản lý và chỉ đạo điều hành công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại luật Doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động công ty, quy chế công ty, các quy định luật pháp của Nhà nước hiện hành.
- HĐQT đã chỉ đạo và giám sát chặt chẽ trong công tác quản lý vốn, tài sản và đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn & tài sản, không lãng phí trong đầu tư, ngăn ngừa rủi ro tài chính của công ty.
- Hội đồng quản trị: Họp định kỳ 04 lần đúng quy định, họp đột xuất 04 lần, họp bằng Email: 01 lần, lấy ý kiến bằng văn bản: 06 lần để triển khai các nội dung công việc quan trọng và chỉ đạo, ra nghị quyết kịp thời hiệu quả các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh được tốt nhất trong điều kiện hoạt động kinh doanh của công ty khó khăn thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát Ban điều hành triển khai thực hiện đúng, kịp thời các chỉ tiêu ĐHCĐ giao, các nghị quyết và quyết định của HĐQT.

4. Hoạt động chỉ đạo giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

- HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành sắp xếp tổ chức bộ máy công ty, định biên lao động, chất lượng nhân lực, kế hoạch tiền lương thưởng theo kết quả kinh doanh và chất lượng công việc theo từng vị trí.
- Chỉ đạo Ban điều hành tăng cường các giải pháp để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các sáng kiến tiết kiệm nhằm hạ giá thành sản xuất.
- Công tác đầu tư và tái đầu tư triển khai đúng tiến độ, kịp thời để nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí sản xuất.
- Tháng 6/2018 việc sản xuất và giao nhận hàng hóa giảm theo định hướng mới của TCT, năng lực sản xuất thấp hơn sản xuất bình quân năm trước, gây khó khăn thực hiện các chỉ tiêu tài chính do ĐHCĐ giao năm 2018;
- Do đó HĐQT đã tập trung chỉ đạo tổ chức nguồn lực sản xuất tối ưu nhất để tiết giảm chi phí sản xuất hạ giá thành sản phẩm: Bố trí ca kíp, lao động, máy móc thiết bị hợp lý; tiết kiệm định mức kinh tế kỹ thuật và tăng cường các sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Về nhân sự: bổ nhiệm 01 Phó Giám đốc và 01 Quản đốc.
- Trong điều kiện khó khăn HĐQT vẫn thống nhất bảo đảm thu nhập tiền lương thưởng cho người lao động bằng năm trước.

5. Phối hợp của HĐQT với Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, họp giao ban và các cuộc họp khác.

- Các kiến nghị của Ban kiểm soát được HĐQT tiếp thu và chỉ đạo Ban điều hành công ty thực hiện kịp thời.
- Hội đồng quản trị đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, cung cấp đầy đủ các phương tiện, cơ sở vật chất và tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty.

IV. Định hướng kế hoạch năm 2019:

1. Tình hình chung về kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Dự báo năm 2019 giá nguyên vật liệu chính tăng rất cao (tăng 18% so với năm 2018). Giá điện tăng 8,3% từ tháng 3/2019.
- Thị trường giao hàng khó khăn, sản lượng giao hàng tháng 2/2019 dưới 2 triệu lít và một số tháng sản lượng chưa đạt điểm hòa vốn.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định tăng do mới đầu tư dây chuyền mới và tái đầu tư một số hạng mục theo định hướng của SABECO.

2. Các chỉ tiêu chính năm 2019:

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thực hiện 2018 (1)	Kế hoạch 2019 (2)	Tỷ lệ (%) (3)=(2)/(1)
1	Sản lượng tiêu thụ	lít	46.853.666	48.474.591	103,5%
2	Doanh thu	đồng	299.575.583.393	296.693.424.738	99%
3	LN T. Thuế	đồng	45.588.428.062	14.572.607.518	32%

3. Công tác đầu tư, sửa chữa năm 2019: (Đính kèm bảng đầu tư chi tiết 2019), trong đó:

- Chi phí đầu tư, sửa chữa, cải tạo máy móc thiết bị: 6,07 tỷ đồng.
- Chi phí đầu tư, sửa chữa, nâng cấp hạ tầng, nhà xưởng: 3,32 tỷ đồng.

Tổng giá trị dự toán (chưa thuế): 9,39 tỷ đồng.

4. Định hướng các nhiệm vụ quan trọng năm 2019 như sau:

- Ban Giám đốc công ty tiếp tục phải đề ra các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh tối ưu, đồng thời hết sức nỗ lực kết hợp với công ty thương mại khu vực để làm tốt công tác giao hàng, nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tiếp tục rà soát và tiết kiệm các chi phí năng lượng, định mức KTKT để kiểm soát tốt tình hình tài chính công ty.
- Áp dụng sáng kiến tiết kiệm và tự động hóa để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và quản trị sản xuất kinh doanh, nhằm thực hiện tốt công tác quản trị công ty và không để sản phẩm sai lỗi.

- Đề nghị TCT hỗ trợ thị trường để công ty giao hàng đầy đủ và vượt kế hoạch giao nhằm khai thác hiệu quả dây chuyền chiết mới đầu tư và hoàn thành chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao năm 2019.

Kính chào các quý cổ đông.

CHỦ TỊCH HĐQT
(Ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Các TV HĐQT
- Trưởng BKS
- Lưu VT, HĐQT

PHẠM THỊ HỒNG HẠNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2019 /TTr-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 03 năm 2019



TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 cùng các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Nghị Định 60/2015/NĐ-CP được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 26 tháng 06 năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét thông qua bản Điều lệ sửa đổi bổ sung cho phù hợp với Pháp luật Nhà nước hiện hành (Đính kèm bản điều lệ sửa đổi).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty như sau:

Thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn tất việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyết định các vấn đề khác có liên quan đến việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh



**MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG YẾU SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU**

- **Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;**
- **Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/06/2006;**
- **Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017.**
- **Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017.**

TT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2018	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Điều 3: Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần bia Sài Gòn Bạc Liêu.	Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014: 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp Theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014 Trường hợp có hơn một người đại diện theo pháp luật, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.

TT	ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2018	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
2	<p>3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty</p>	<p>3. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam; trường hợp cả 2 xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật thực hiện ủy quyền vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền</p>	<p>Theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật doanh nghiệp 2014</p> <p>3. Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì người đó phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.</p>
3	<p>Điều 27: Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị</p> <p>2.c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p>	<p>Điều 27: Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị</p> <p>2.c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức lương của họ;</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp</p>
4	<p>Điều 31: Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, Kế toán trưởng và các</p>	<p>Điều 31: Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp</p>

TT	<p>ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2018</p> <p>chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị</p>	<p>NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG</p> <p>Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị</p>	<p>CĂN CỨ PHÁP LÝ</p>
5	<p>Điều 33: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p>	<p>Điều 33: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p><i>Bổ sung:</i></p> <p>3.j. Giám đốc toàn quyền ra quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, điều chuyển, khen thưởng, kỷ luật hoặc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các Trưởng / phó đơn vị trở xuống. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được báo cáo Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp</p>



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU

Bạc Liêu, ngày ... tháng ... năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	9
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	16
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	24
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC CÔNG TY, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	33
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	33

Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp-----	33
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc -----	33
Điều 34. Thư ký Công ty -----	35
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT-----	35
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên -----	35
Điều 36. Kiểm soát viên-----	36
Điều 37. Ban kiểm soát -----	37
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC -----	38
Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng -----	38
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi -----	38
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường -----	39
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY -----	40
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ -----	40
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN -----	41
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn-----	41
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN-----	41
Điều 43. Phân phối lợi nhuận -----	41
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	42
Điều 44. Tài khoản ngân hàng -----	42
Điều 45. Năm tài chính -----	42
Điều 46. Chế độ kế toán -----	42
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN -----	43
Điều 47. Báo cáo tài chính năm -----	43
Điều 48. Báo cáo thường niên -----	43
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY -----	43
Điều 49. Kiểm toán -----	43
CHƯƠNG XVII. CON DẤU -----	44
Điều 50. Con dấu-----	44
CHƯƠNG XVIII. MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN -----	44
Điều 51. Quan hệ giữa Công ty và Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty liên kết -----	44
CHƯƠNG XIX. QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC -----	44
Điều 52. Đại diện chủ sở hữu của Công ty ở doanh nghiệp khác -----	44
Điều 53. Quyền của Hội đồng quản trị Công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.-----	44
Điều 54. Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.-----	45
Điều 55. Trách nhiệm của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác-----	45
Điều 56. Nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác	46
CHƯƠNG XX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ -----	47
Điều 57. Chấm dứt hoạt động-----	47

Điều 58. Gia hạn hoạt động -----	47
Điều 59. Thanh lý -----	47
CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ -----	48
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ -----	48
CHƯƠNG XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ -----	48
Điều 61. Điều lệ công ty -----	48
CHƯƠNG XXIII. NGÀY HIỆU LỰC -----	49
Điều 62. Ngày hiệu lực -----	49

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông số ngày ... tháng ... năm 2019.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 cùng các văn bản hướng dẫn có liên quan.
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
 - f. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty;
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - i. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty được quy định tại Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 26 tháng 06 năm 2015.
 - j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - k. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: SAIGON-BACLIEU BEER JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU
- Tên Công ty viết tắt: SAIGON-BACLIEU BEER JSC

2. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam
- Điện thoại: 02913 780781
- Fax: 02913 780 567
- E-mail: bsgbaclieu@gmail.com
- Website: www.biasaigonbaclieu.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 57 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo

Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Công ty phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam; trường hợp cả 2 xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật thực hiện ủy quyền vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
 - Sản xuất bia (bia tươi, bia hơi, bia chai, bia hộp) và mạch nha ủ men bia; sản xuất rượu mạnh;
 - Kinh doanh dịch vụ ăn uống đặc sản;
 - Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
 - Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất các loại đồ uống không cồn khác;
 - Mua bán đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết); mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
 - Mua bán thực phẩm, lương thực, hàng nông sản sơ chế;
 - Mua bán rác phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, rác thải, đồng nát; mua bán bã hèm; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- 2. Mục tiêu hoạt động của công ty là huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời sống của người lao động trong công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 120.120.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.012.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
9. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tối đa là 49%, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng

vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Vietinbank CN Bạc Liêu công bố tại thời điểm tương ứng) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Bạc Liêu công bố tại thời điểm thanh toán) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc công ty.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu/bầu cử trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

- a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 35 Điều lệ này;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp chính xác họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức khi đăng ký mua cổ phần và thông báo cho công ty khi có thay đổi về các nội dung trên.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội

đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- e. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;

- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
 - e. Mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:
- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

- b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một Người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho Người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức thực hiện ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn bảy (07) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; (nếu có)
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; (Giấy ủy quyền)
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban

kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện

pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát:
 - a. Nếu số ứng viên lớn hơn số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu

tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

- b. Nếu số ứng viên bằng với số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự điểm a khoản 3 Điều này hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - j. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Phương án bầu cử (nếu có);
 - g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - h. Thời hạn kiểm phiếu;
 - i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm

kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số lượng cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành

viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:
Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn từ chức bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

- m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
 - p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% vốn điều lệ công ty căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
 4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày quyết định bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị có hiệu lực.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải

chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm

mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội

đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và nghị quyết, biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC CÔNG TY, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào tháng 12 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng kế hoạch sản lượng Tổng Công ty giao và phù hợp với định hướng, kế hoạch dài hạn và chiến lược của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị

thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
 - j. Giám đốc toàn quyền ra quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, điều chuyển, khen thưởng, kỷ luật hoặc ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các Trưởng/phó đơn vị trở xuống. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được báo cáo Hội đồng quản trị
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
 5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 34. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Ban kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
- a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Tiền lương hoặc thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

Tiền lương hoặc thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với

lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ theo ủy quyền của Đại hội cổ đông nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi

tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được đồng thời công bố trên website của Công ty.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Điều 51. Quan hệ giữa Công ty và Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty liên kết

1. Công ty là chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty thành lập; thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.
2. Công ty quản lý cổ phần, vốn góp chi phối thông qua Người đại diện ở công ty có vốn góp của Công ty, và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào công ty đó.
3. Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên kết
Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của bên góp vốn thông qua đại diện của mình tại công ty liên kết, phù hợp với pháp luật và điều lệ của Công ty liên kết.

CHƯƠNG XIX. QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 52. Đại diện chủ sở hữu của Công ty ở doanh nghiệp khác

Hội đồng quản trị là đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 53. Quyền của Hội đồng quản trị Công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.

1. Quyết định đầu tư góp vốn; tăng giảm vốn đầu tư, vốn góp theo quy định của Điều lệ Công ty và Điều lệ của Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

2. Cử, thay đổi, bãi miễn Người đại diện phần vốn góp của Công ty (sau đây gọi tắt là Người đại diện) theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp có vốn góp của Công ty (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp khác) và Luật Doanh nghiệp.
3. Quyết định khen thưởng, kỷ luật, phụ cấp và lợi ích khác có liên quan đối với Người đại diện. Chi phí phụ cấp trách nhiệm, thưởng và lợi ích khác có liên quan đối với Người đại diện được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp đó hoặc từ nguồn quỹ của Công ty theo quy chế của Công ty và theo quy định của pháp luật.
4. Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, công tác quản lý tài chính, quản lý vốn, tài sản và các nội dung khác về doanh nghiệp đó.
5. Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện xin ý kiến về những vấn đề quan trọng quy định tại khoản 2 điều 56 của Điều lệ này, của doanh nghiệp khác trước khi tham gia biểu quyết tại doanh nghiệp đó; báo cáo việc sử dụng vốn cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu kinh doanh của Công ty.
6. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn Công ty góp ở doanh nghiệp khác, phần vốn thu về, kể cả lãi được chia do Công ty quyết định sử dụng để phục vụ các mục tiêu kinh doanh của Công ty.
7. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác.

Điều 54. Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.

1. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của công ty.
2. Thực hiện các quyền của Cổ đông tại các doanh nghiệp khác. Định hướng hoạt động theo mục tiêu của Công ty tại doanh nghiệp mà Công ty có cổ phần chi phối.
3. Chỉ đạo Người đại diện có biện pháp kịp thời để bảo toàn số vốn của Công ty trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty bị thua lỗ, mất vốn, phải xem xét giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản.
4. Giám sát việc thu hồi lợi tức được hưởng từ số vốn Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Điều 55. Trách nhiệm của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác

1. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn trong doanh nghiệp có vốn góp của Công ty tùy theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp đó. Trường hợp Công ty nắm giữ cổ phần chi phối của doanh nghiệp khác thì Người đại diện của Công ty sử dụng quyền cổ phần chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng doanh nghiệp đó thực hiện mục tiêu do Hội đồng quản trị Công ty quy

định. Yêu cầu doanh nghiệp mà mình làm đại diện chuyển lợi tức được chia về Công ty.

2. Tham gia ứng cử hoặc đề cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp đó.
3. Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty.
4. Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác nếu trực tiếp tham gia quản lý điều hành doanh nghiệp thì được hưởng lương, các khoản phụ cấp và tiền thưởng theo quy định của doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả; trường hợp làm việc kiêm nhiệm thì tiền lương do Công ty trả; doanh nghiệp trả thù lao và các chi phí hợp lý khác.

Điều 56. Nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác

1. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty về hiệu quả sử dụng phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác; Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại vật chất theo quy định của pháp luật.
2. Xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty về phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, sửa đổi bổ sung điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ, chia lợi tức, bán tài sản có giá trị lớn cần có biểu quyết của cổ đông, thành viên góp vốn.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty về hiệu quả sử dụng vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp mà mình làm đại diện. Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác không làm tròn nhiệm vụ, lạm dụng quyền và nghĩa vụ gây thiệt hại phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, nếu cấu thành tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp không đôn đốc kịp thời thu về số lợi tức được chia để cho doanh nghiệp khác chiếm dụng thì phải bồi thường theo lãi suất tiền vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng. Nếu có hành vi trực tiếp gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
4. Hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự của doanh nghiệp khác do người của Công ty trực tiếp quản lý điều hành ký kết với Người đại diện của Công ty, hoặc với vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của người đó phải được kịp thời báo cáo cho Hội đồng quản trị Công ty trước khi thực hiện. Trường hợp Hội đồng quản trị Công ty phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi với đầy đủ bằng chứng chứng minh nhưng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu người đó không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết mà dẫn đến thiệt hại thì người đó phải bồi thường thiệt hại

cho doanh nghiệp mà mình được cử làm đại diện và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;

- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;
2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.
3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
4. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXIII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 23 chương 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu nhất trí thông qua ngày 27 tháng 03 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Nộp và đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định;
 - b. Lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHẠM THỊ HỒNG HẠNH

Số: 05 /2019/TT-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 03 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: *Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2018		THỰC HIỆN 2018	
		TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)	TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế		42.497.560.496		45.588.428.062
2	Thuế TNDN		3.205.317.037		3.495.058.730
3	Lợi nhuận sau thuế		39.292.243.459		42.093.369.332
	Lợi nhuận giữ lại từ các năm trước chuyển sang		26.036.981.506		26.036.981.506
4	Cộng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		65.329.224.965		68.130.350.838
5	Phân phối lợi nhuận				
	Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	5%	1.964.612.173	5%	2.104.668.467
	Quỹ an sinh xã hội		2.000.000.000		2.000.000.000
6	Chia cổ tức	25%	30.030.000.000	25%	30.030.000.000
	- Bằng tiền (tính trên vốn điều lệ)	25%	30.030.000.000	25%	30.030.000.000
7	Lợi nhuận giữ lại chuyển năm sau		31.334.612.791		33.995.682.371

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

Số: 06 /2019/TT-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 03 năm 2019



TỜ TRÌNH

V/v: **Kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch tài chính năm 2019;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2018		KẾ HOẠCH 2019	
		TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)	TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế		45.588.428.062		14.572.607.518
2	Thuế TNDN		3.495.058.730		2.215.036.343
3	Lợi nhuận sau thuế		42.093.369.332		12.357.571.175
	Lợi nhuận giữ lại từ các năm trước chuyển sang		26.036.981.506		33.995.682.371
4	Cộng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		68.130.350.838		46.353.253.546
5	Phân phối lợi nhuận				
	Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	5%	2.104.668.467	5%	617.878.559
	Quỹ an sinh xã hội		2.000.000.000		1.000.000.000
6	Chia cổ tức	25%	30.030.000.000	10%	12.012.000.000
	- Bằng tiền (tính trên vốn điều lệ)	25%	30.030.000.000	10%	12.012.000.000
7	Lợi nhuận giữ lại chuyển năm sau		33.995.682.371		32.723.374.988

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

Số: 07 /2019/TT-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 03 năm 2019

TỜ TRÌNHV/v: **Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và Kế hoạch 2019****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch tài chính năm 2019;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch năm 2019 như sau:

TT	THÙ LAO	ĐVT	THEO NGHỊ QUYẾT 01/2018/NQ- ĐHĐCĐ (đ/người/tháng)	THỰC HIỆN 2018 (đ/người/tháng)	KẾ HOẠCH 2019 (đ/người/tháng)
1	Hội đồng quản trị	đồng	1.560.000.000	1.560.000.000	1.320.000.000
	Chủ tịch	đồng	40.000.000	40.000.000	30.000.000
	Thành viên HĐQT (4 người)	đồng	(*)20.000.000 (**)25.000.000	20.000.000 25.000.000	20.000.000
2	Ban kiểm soát	đồng	300.000.000	300.000.000	300.000.000
	Trưởng ban	đồng	15.000.000	15.000.000	15.000.000
	Thành viên BKS (2 người)	đồng	5.000.000	5.000.000	5.000.000
	TỔNG CỘNG	đồng	1.860.000.000	1.860.000.000	1.620.000.000

(*) Hai thành viên HĐQT không chuyên trách

(**) Hai thành viên HĐQT chuyên trách

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.
Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

Bạc Liêu, ngày 27 tháng 03 năm 2019



TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận để cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán cho Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu của năm tài chính 2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Tấn Phiên

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Bạc Liêu, ngày tháng 03 năm 2019

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018

STT	Hạng mục đầu tư, sửa chữa	Giá trị dự kiến (VND)	Giá trị thực hiện (VND)	Thời gian hoàn thành
I	Đầu tư sửa chữa thiết bị			
1	- Đầu tư lắp mới hệ thống thu hồi năng lượng tại nồi đun sôi nhà nấu bia; - Đầu tư mới thiết bị nhập nguyên liệu bằng container tải trọng 60 tấn và 02 si lô chứa malt thể tích 200 m ³ /si lô (chứa 150 tấn malt/silo); cải tạo gàu tải malt; lắp vít tải mới kết nối với hệ thống nhập xuất nguyên liệu hiện hữu;	5.500.000.000	4.950.354.500	Hoàn thành và đưa vào sử dụng 16/09/2018
2	- Đầu tư mới 01 silo chứa gạo thể tích 50m ³ /silo (bằng silo hiện hữu) và vít tải, gàu tải mới để kết nối với hệ thống hiện hữu.	8.000.000.000	8.373.599.091	Hoàn thành và đưa vào sử dụng vào 17/03/2019
3	Đầu tư phần mềm Braumat thay thế PCS7 cho hệ thống Nhà Nấu – Lên Men	4.000.000.000	4.124.165.112	Đã đưa vào sử dụng tháng 12/2018
4	Đầu tư nâng cấp tự động hóa hệ thống xử lý nước (thay thế vận hành thủ công) và thay thế thiết bị hiện hữu do xuống cấp	9.500.000.000		Tổng công ty đề nghị thực hiện sau năm 2020

STT	Hạng mục đầu tư, sửa chữa	Giá trị dự kiến (VND)	Giá trị thực hiện (VND)	Thời gian hoàn thành
5	Đầu tư hệ thống làm giàu CO2 và cải tạo nâng cấp toàn bộ hệ thống thu hồi CO2 (300kg/giờ)	7.000.000.000		Tổng công ty đề nghị thực hiện sau năm 2020
6	Cải tạo Panel các cụm của Tank lên men	1.700.000.000		Chuyển sang năm 2019 thực hiện
7	Sửa chữa, thay thế hệ thống thang leo, lan can, sàn thao tác đỉnh tank lên men	1.450.000.000	1.340.290.908	Đưa vào sử dụng tháng 06/2018
8	Đường ống ngoại tuyến, đường điện động lực	2.500.000.000	1.716.758.034	Đưa vào sử dụng tháng 05/2018
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nấu	1.687.000.000	1.511.000.000	Hoàn thành trong tháng 3/2019
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống động lực, xử lý nước	1.544.000.000	1.013.237.260	Hoàn thành trong tháng 3/2019
11	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp thiết bị kiểm nghiệm	255.000.000	287.500.000	Đã hoàn thành tháng 12/2018
	CỘNG	43.136.000.000	23.316.904.905	
II	Sửa chữa nhà xưởng			
1	Thay thế tole và máng xối mái nhà lắp đặt 02 dây chuyền chiết cũ, mái nhà kho thành phẩm, nhà ở tập thể, căn tin,	1.271.850.000	1.316.188.785	- Tháng 08/2018 - Chuyển vật liệu máng xối tole dày 0,5mm sang vật liệu inox 304 dày 0,5mm
2	Sửa chữa đường nội bộ, nền kho thành phẩm, nền 02 dây chuyền chiết cũ sau khi tháo dỡ, nền khu vực tank lên men,	2.466.801.000	718.463.443	- Tháng 08/2018 - Hạng mục nền 02 dây chuyền chiết cũ

STT	Hạng mục đầu tư, sửa chữa	Giá trị dự kiến (VND)	Giá trị thực hiện (VND)	Thời gian hoàn thành
	trữ men			sau khi tháo dỡ, nền khu vực tank lên men chuyển sang năm 2019 thực hiện
3	Lắp mới hệ thống PCCC cho dây chuyền chiết chai mới, công suất 30.000 chai/giờ	485.000.000	125.000.000	Tháng 06/2018
	CỘNG	4.223.651.000	2.159.652.228	
	TỔNG CỘNG (I) +(II)	47.359.651.000	25.476.557.133	



PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, SỬA CHỮA THIẾT BỊ VÀ NHÀ XƯỞNG 2019

STT	Nội dung đầu tư	Thời gian dự kiến triển khai (tháng/năm)	Thời gian dự kiến hoàn thành (tháng/năm)	Chi phí dự kiến (chưa VAT)	Ghi chú
I	THIẾT BỊ			6.070.000.000	
1	Cải tạo và sửa chữa thiết bị Nấu-lên men	Quý 2/2019	Quý 3/2019	3.780.000.000	
2	Sửa chữa, đầu tư thiết bị khu Xử lý nước thải	Quý 2/2019	Quý 3/2019	2.290.000.000	
II	NHÀ XƯỞNG			3.326.921.000	
1	Sửa chữa nền, vách khung nhôm kín các kho chứa vật tư, hóa chất, công cụ dụng cụ, PTTT bị sụp lún.	04/2019	05/2019	380.600.000	
2	Lắp dựng mái che mưa, nắng để xe nâng chở hàng di chuyển từ kho thành phẩm 1 qua kho thành phẩm 2	04/2019	05/2019	288.000.000	
3	Thảm nhựa nâng cấp đường nội bộ bị xuống cấp (sụp lún, bê)	04/2019	04/2019	462.000.000	
4	Thay tole, máng xối mái nhà khu động lực, máng xối kho malt, gạo	04/2019	04/2019	110.100.000	
5	Sửa chữa nhà vệ sinh khu văn phòng	05/2019	05/2019	180.000.000	
6	Sơn bê lại tường nhà xưởng bị bong tróc: văn phòng, khu động lực, vách dây chuyền chiết cũ, vách hệ thống XLNT, khu vực nấu, xay nghiền, lên men, lọc, CIP	04/2019 và 11/2019	04/2019 và 11/2019	250.500.000	
7	Cải tạo nền, thảm Bê tông nhựa nóng điện tích nền dây chuyền chiết 2 làm kho chứa bia thành phẩm	05/2019	06/2019	792.000.000	
8	Cải tạo, sửa chữa nền và mương thoát nước khu vực tank lên men bị bong tróc, đọng nước.	04/2019	06/2019	663.721.000	
9	Chi phí dự phòng sửa chữa, làm mới: gạch nền, gạch tường, hồ ga, ống thoát nước, laphong,...toàn nhà máy	Năm 2019	Năm 2019	200.000.000	
	TỔNG CỘNG			9.396.921.000	

**BIA
SAIGON**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**



**PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: SBL.000001**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **200** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: 1.200 cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
Nội dung 1: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019			
Nội dung 2: Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát			
Nội dung 3: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018			
Nội dung 4: Báo cáo hoạt động của HĐQT tình hình quản trị Công ty và kế hoạch năm 2019			
Nội dung 5: Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty			
Nội dung 6: Tờ trình PPLN và trích lập các quỹ năm 2018			
Nội dung 7: Tờ trình kế hoạch PPLN và trích lập các quỹ năm 2019			
Nội dung 8: Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS 2018 và Kế hoạch 2019			
Nội dung 9: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019			

Hướng dẫn:

Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn **MỘT** trong các phương án: **Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)

**BIA
SAIGON.**

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019



THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **SBL.000001**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **1.000** cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **200** cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: 1.200 cổ phần

Số: 01/2019/NQ – ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2019

DỰ THẢO**NGHỊ QUYẾT****ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu đã thống nhất thông qua các nội dung như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2018 và Kế hoạch năm 2019 (chi tiết theo tài liệu trình ĐHĐCĐ) với các chỉ tiêu chính như sau:

1.1 Về sản xuất kinh doanh:

TT	KHOẢN MỤC	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2018	KẾ HOẠCH NĂM 2019
1	Sản lượng tiêu thụ (lít)		46.853.666	48.474.591
	Bia chai Export	lít	38.334.441	30.367.650
	Bia chai Lager	lít	6.262.157	8.212.001
	Bia chai Special	lít	2.257.068	9.894.940
2	Tổng doanh thu (đồng)	đồng	299.575.583.393	296.693.424.738
3	Tổng chi phí (đồng)	đồng	253.987.155.331	282.120.817.219
4	Lợi nhuận trước thuế (đồng)	đồng	45.588.428.062	14.572.607.518
5	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN (trước thuế)/VĐL	%	38	12

1.2 Về đầu tư, sửa chữa năm 2019: (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2: Thông qua Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát năm 2018, Báo cáo tài chính năm 2018 (đã được kiểm toán).

Điều 3: Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018 và Kế hoạch hoạt động năm 2019.

Điều 4: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu.

Điều 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2018 và Kế hoạch năm 2019:

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2018		KẾ HOẠCH 2019	
		TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)	TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế		45.588.428.062		14.572.607.518
2	Thuế TNDN		3.495.058.730		2.215.036.343
3	Lợi nhuận sau thuế		42.093.369.332		12.357.571.175
	Lợi nhuận giữ lại từ các năm trước chuyển sang		26.036.981.506		33.995.682.371
4	Cộng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		68.130.350.838		46.353.253.546
5	Phân phối lợi nhuận				
	Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	5%	2.104.668.467	5%	617.878.559
	Quỹ an sinh xã hội		2.000.000.000		1.000.000.000
6	Chia cổ tức	25%	30.030.000.000	10%	12.012.000.000
	- Bằng tiền (tính trên vốn điều lệ)	25%	30.030.000.000	10%	12.012.000.000
7	Lợi nhuận giữ lại chuyển năm sau		33.995.682.371		32.723.374.988

Điều 6: Thông qua phương án quyết toán thù lao của HĐQT, BKS 2018 và Kế hoạch năm 2019:

TT	THÙ LAO	ĐVT	THỰC HIỆN 2018 (đồng/người/tháng)	KẾ HOẠCH 2019 (đồng/người/tháng)
1	Hội đồng quản trị	đồng	1.560.000.000	1.320.000.000
	Chủ tịch	đồng	40.000.000	30.000.000
	Thành viên HĐQT (4 người)	đồng	(*)20.000.000 (**)25.000.000	20.000.000
2	Ban kiểm soát	đồng	300.000.000	300.000.000
	Trưởng ban	đồng	15.000.000	15.000.000
	Thành viên BKS (2 người)	đồng	5.000.000	5.000.000
	TỔNG CỘNG	đồng	1.860.000.000	1.620.000.000

(*) Hai thành viên HĐQT không chuyên trách

(**) Hai thành viên HĐQT chuyên trách

Điều 7: Thông qua vấn đề lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2019 như sau:

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán cho Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu của năm tài chính 2019 theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8: Giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo, Ban điều hành tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu và báo cáo cho cổ đông trong Đại hội kế tiếp.

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nơi nhận:

- Cổ đông (Đăng trang tin điện tử Cty)
- UBCKNN, Sở GDCKHN
- HĐQT, BKS, BGD
- Lưu HĐQT

Phạm Thị Hồng Hạnh